

Bản án số: 79 /2019/ HNGĐ –ST

Ngày: 29/ 8/2019

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Ông Võ Văn Minh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 388/2019/TLST –HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Phan Thị Ánh T**, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã BT, huyện BD, tỉnh BT.

Bị đơn: **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã TP, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25/6/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Ánh T trình bày như sau:*

Chị và anh Nguyễn Hồng T cưới nhau vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 09 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đánh chị nhiều lần bị bầm mắt, chảy máu mũi, anh T và chị có cãi nhau, tính tình vợ chồng không hợp. Hiện nay, chị và anh T vẫn sống chung nhà. Nay chị không còn tình cảm với anh T, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Không có.
Về tài sản chung: Không có.
Về nợ chung: Không có

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày như sau:*

Anh T không đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Ánh T. Anh vẫn còn thương chị T, vợ chồng anh, chị vẫn có thể hàn gắn với nhau. Anh T và chị T vẫn sống chung nhà. Vợ chồng anh ít có cãi nhau nhưng sau đó lại hàn gắn được, anh có đánh chị T một lần do chị T đi chơi không có nói với anh, anh không có đánh chị T nhiều lần như lời chị T trình bày.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có

** Năi dieăi Vieăi kieăi saùt nhaân daân huyeăi Bình Năi phaùt bieău quan điêm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát.

Nguyên đơn chấp hành tốt quy định bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Không có, nên không xét đến.

Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ánh T và anh Nguyễn Hồng T cưới nhau vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã BT vào năm 2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh T đánh chị nhiều lần bị bầm mắt, chảy máu mũi, anh T và chị có cãi nhau, tính tình vợ chồng không hợp. Anh T không thống nhất với lời trình bày của chị T, vợ chồng anh ít có cãi nhau

nhưng sau đó lại hàn gắn được, anh có đánh chị T một lần do chị T chị chơi không có nói với anh, Anh không có đánh chị T nhiều lần, anh không có đánh chị bầm mắt, và chảy máu mũi. Chị T và anh T thống nhất vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường.

[3] Qua xác minh bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của chị T và chị Nguyễn Thị Ngọc T là chị dâu chị T thì cuộc sống vợ chồng chị T và anh T không có sự mâu thuẫn trầm trọng, có thể hàn gắn được, chị T và anh T vẫn sống chung nhà, cuộc sống sinh hoạt vợ chồng vẫn bình thường.

[4] Mặt khác, theo quyết định số 66/2019/QĐ-CCTLCC ngày 10/7/2019 Tòa án đã yêu cầu chị T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Nguyễn Hồng T có hành vi bạo lực, có nhiều lần đánh chị T dẫn đến vợ chồng không thể hàn gắn. Nhưng chị T vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T có hành vi bạo lực, nhiều lần đánh chị.

[5] Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T là không trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích hôn nhân vẫn đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là không có cơ sở theo Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên không được chấp nhận.

[6] Về con chung: Không có, nên không xét đến.

[7] Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

[8] Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Hồng T.

2. Về con chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003530 ngày

08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vụ án phí chi Phan Thị Ánh T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Ủy ban nhân dân xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo